

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HS-PT
Ngày 27 tháng 02 năm 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung.

Các Thẩm phán:

- Ông Nguyễn Anh;

- Ông Nguyễn Tuấn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhơn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 223/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Võ Văn D và Nguyễn Hồng P, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hồng P và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đối với bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo có kháng cáo và kháng nghị:

1. Võ Văn D (tên gọi khác: **C**), sinh năm: 1984, tại: Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn S, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; con ông Võ Văn Q và bà Từ Thị M; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hồng P (tên gọi khác: **T**), sinh năm: 1981, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Thôn X2, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn: 3/12; họ và tên cha: Không xác định, họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T; có vợ và có 02 (hai) người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam.

Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, còn có bị cáo Đỗ Hồng Th không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: :

Khoảng 21 giờ ngày 18 tháng 8 năm 2013, Võ Văn D và Đỗ Hồng Th trên đường đi nhậu về thì rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Khi đi ngang qua nhà ông Lê D ở thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, phát hiện xe mô tô biển số 79H1-015.83 dựng ở trước sân không có người trông coi, Th đứng ngoài cánh giới còn D vào dắt xe ra ngoài rồi nổ máy điều khiển xe chạy về nhà Th ở thôn N, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cất giấu.

Đến sáng ngày 19 tháng 8 năm 2013, D và Th điều khiển xe mô tô trộm cắp được đến quán cà phê Hoàng Kim – thuộc thôn X1, xã N, thị xã N, Th gọi điện thoại cho Nguyễn Hồng P và Nguyễn Hoàng Bảo Tr đến đưa xe đi bán. P và Tr đem xe bán cho ông Nguyễn Phi Đ (chủ tiệm phở liệu) ở thôn X1, xã N được 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Th cho P 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) và Tr 50 (năm mươi nghìn đồng). Khi nhận tiền P có hỏi Th nguồn gốc xe mô tô biển số 79H1-015.83 ở đâu mà có, Th nói xe mô tô vừa bán là do Th và D trộm cắp ở thôn Đ, xã N, thị xã N nhưng P vẫn nhận tiền và tiêu xài hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 89/KL ngày 27 tháng 9 năm 2013, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa xác định: chiếc xe mô tô biển số 79H1-015.83 có giá trị 3.675.000 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 70/2017/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2017, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; các Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Võ Văn D;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 250; các Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Hồng P,

- Xử phạt bị cáo Võ Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Hồng P 06 (sáu) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt bị cáo Đỗ Hồng Th 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, bị cáo Nguyễn Hồng P kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm cho bị có được hưởng án treo.

Tại Quyết định kháng nghị số 14/QĐ-VKS ngày 14 tháng 12 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N kháng nghị bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Võ Văn D và Nguyễn Hồng P, với các nội dung:

- Áp dụng thêm cho bị cáo Võ Văn D các tình tiết giảm nhẹ: Tự nguyện bồi thường thiệt hại và đầu thú, theo Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Áp dụng Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cho các bị cáo Võ Văn D và Nguyễn Hồng P được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Đối với bị cáo Nguyễn Hồng P: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa và kháng cáo của bị cáo.

- Đối với bị cáo Võ Văn D: Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N và kháng cáo của bị Nguyễn Hồng P được thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét các kháng cáo và Kháng nghị:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Văn D và Nguyễn Hồng P đã khai nhận những hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như bản án sơ thẩm đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo Đỗ Hồng Th trong vụ án và lời khai của người bị hại cùng với các chứng cứ do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập. Như vậy, đủ cơ sở để kết luận:

Ngày 18 tháng 8 năm 2013, tại nhà ông Lê D (thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa), Võ Văn D cùng với Đỗ Hồng Th đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Lê D một xe mô tô biển số 79H1-015.83 có giá trị 3.675.000 đồng (ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Hành vi đó của bị cáo Võ Văn D đã có đủ các yếu tố cần thiết cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Nguyễn Hồng P mặc dù biết rõ số tiền 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) mà Đỗ Hồng Th cho là tiền mà Th có được từ việc bán xe mô tô do Th và D trộm cắp của ông Lê D mà có, nhưng P vẫn nhận và tiêu xài cho cá nhân. Vì vậy, Tòa án

cấp sơ thẩm kết án Nguyễn Hồng P về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng pháp luật.

Xem xét về hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Đối với bị cáo Võ Văn D: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trong quá trình điều tra, bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho người bị hại 1.000.000 đồng (một triệu đồng) và được người bị hại bãi nại (bút lục số 19); ngoài ra, sau khi bị truy nã bị cáo đã ra đầu thú. Các tình tiết này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng nên cấp phúc thẩm áp dụng thêm cho bị cáo. Tuy vậy, cũng cần thấy rằng: Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho việc điều tra, qua đó còn thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa tốt của bị cáo. Vì vậy, chỉ có căn cứ giảm nhẹ mức hình phạt mà không có căn cứ để cho bị cáo được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Nguyễn Hồng P: Là người có nhân thân tốt; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; không có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên có đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, không cần cách ly xã hội cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo.

[3] Các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355; các Điểm c và e Khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 138; các Điểm b, g, h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Võ Văn D (tên gọi khác: C);

- Áp dụng Khoản 1 Điều 250; các Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Nguyễn Hồng P (tên gọi khác: T),

- Xử phạt bị cáo Võ Văn D 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng P 06 (sáu) tháng tù, cho bị cáo được hưởng án treo, về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 27 tháng 02 năm 2018).

Giao bị cáo Nguyễn Hồng P cho Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Hồng P thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Các bị cáo Võ Văn D và Nguyễn Hồng P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 02 năm 2018).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- TAND thị xã N;
- VKSND thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Chi cục THA dân sự thị xã N;
- Bị cáo có kháng cáo, kháng nghị;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung